

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 559/2023/HC-PT

Ngày 27 - 7 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 343/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “*Yêu cầu hủy Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8032/2023/QĐPT-HC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông TVB, sinh năm 1955; HKTT: Thôn CĐA, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Đường 1A, thôn NH, xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông NAP - Luật sư Công ty Luật TNHH AP thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện TT;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện TT: Ông NTC - Chủ tịch UBND huyện TT, thành phố Hà Nội. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.2. Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội: Ông NTĐ - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà TTH, sinh năm 1956; chị TTB, sinh năm 1978; chị TTL, sinh năm 1982; anh TNA, sinh năm 1986; cháu ĐBM, sinh năm 1998; cháu TNL, sinh năm 2010; chị CNB, sinh năm 1986; anh ĐVĐ, sinh năm 1974. (đều vắng mặt)

3.2. Cháu NGP, sinh năm 2004. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu NGP: Chị TTL (chị TTL ủy quyền cho ông TVB).

3.3. Cháu ĐDK, sinh năm 2011; cháu ĐPC, sinh năm 2014. (đều vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu ĐDK, cháu ĐPC: Anh ĐVĐ - sinh năm 1974 (Anh ĐVĐ ủy quyền cho ông TVB).

Cùng ĐKKHTT: Thôn CĐA, xã TH, huyện TT, thành phố Hà Nội; cùng ở tại địa chỉ: Đường 1A, thôn NH, xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà TTH, chị TTL, anh TNA, chị TTB, cháu TNL, anh ĐVĐ, cháu ĐBM: Ông TVB - Là người khởi kiện trong vụ án. (có mặt)

3.4. UBND xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông NVK - Chủ tịch UBND xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/8/2020, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện ông TVB trình bày:

Ông đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định hành chính số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT và “phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư” ban hành theo quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017, đồng thời yêu cầu UBND huyện TT ban hành quyết định khác phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư liên quan đến gia đình ông, cụ thể gồm:

1. Về bồi thường đất bị thu hồi: Gia đình ông bị thu hồi (637,5m²) là diện tích đất gia đình ông đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993, không có tranh chấp, tại thời điểm đó không nằm trong quy hoạch. Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; thửa đất của gia đình ông bị thu hồi nêu trên có đủ điều kiện để được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng bồi thường GP mặt bằng (viết tắt là GPMB) UBND huyện TT bồi thường đầy đủ diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi theo quy định của pháp

luật. Số tiền bồi thường về đất là: $637,5\text{m}^2 \times 150.000.000\text{đồng/m}^2 = 95.625.000.000\text{đồng}$ (Chín mươi lăm tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2. Bồi thường tài sản trên đất: Trên cơ sở được bồi thường đất theo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng bồi thường, GP mặt bằng bồi thường toàn bộ đầy đủ tài sản trên đất của gia đình ông bị thu hồi với tỉ lệ 100% theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ bồi thường (%)	Thành tiền (đồng)
I	Nhà công trình xây dựng năm 1993					
I.1	Tầng 1 nhà trần bê tông và trần gỗ tường xây gạch 220 và 110 có khu phụ lát nền gạch non 40 x 40 cao 3,3 m. $S = 9,8 \times 15 = 147\text{m}^2$	m^2	147	5.932.649	100	872.099.403
I.2	Tầng 2 nhà mái tôn tường xây gạch 220 và 110, bổ trụ cao 3,3m $S = 9,8 \times 15 = 147\text{m}^2$	m^2	147	5.932.649	100	872.099.403
II	Nhà xưởng xây dựng năm 1993					
II.1	Nhà xưởng khung sắt zamin, có cầu trục, nền đổ bê tông tươi dày 20cm	m^2	490,5	2.600.000	100	1.275.300.000
II.2	Gác xếp sắt 3 tầng bằng nhau, cầu thang sắt KT 1 tầng $24,5 \times 3 = 73,5 \times 3$ tầng = $220,5 \text{ m}^2$	m^2	220,5	455.000	100	100.327.500
II.3	Gác xếp sắt 1 tầng $2700 \times 8000 = 21,6\text{m}^2$ $2000 \times 10000 = 20\text{m}^2$	m^2	41,6	455.000	100	18.928.000
II.4	Cầu sắt cho xe ô tô đi $L = 7500 \times 2500 \text{ V}63 \times 63$	m^2	01			80.000.000
II.5	Sân bê tông ngoài đường $\text{KT}15 \times 8 = 120\text{m}^2$ dày 20cm	m^2	120	240.400	100	28.848.000
II.6	Giếng khoan sâu 40m	Cái	01	3.423.183	100	3.423.183
II.7	Chân bệ máy ép 500 tấn, bê tông cốt thép KT $8000 \times 5000 \times 2000$	Cái	01	100.000.000	100	100.000.000

II.8	Chân bộ máy vê chỏm cầu	Cái	01	80.000.000	100	80.000.000
II.9	Chân bộ máy cắt bang dài	Cái	01	38.000.000	100	38.000.000
II.10	Tháo dỡ máy ép 500 tấn			200.000.000	100	200.000.000
	Tháo dỡ máy ép 250 tấn			100.000.000	100	100.000.000
	Tháo dỡ máy cuộn tôn			250.000.000	100	250.000.000
II.11	Tháo dỡ máy cắt tôn			10.000.000		10.000.000
	Tháo dỡ máy ép 120 tấn			5.000.000		5.000.000
	Tháo dỡ máy ép nén khí			2.000.000		2.000.000
	Tháo dỡ 8 chiếc máy hàn điện			1.600.000		1.600.000
	Tháo dỡ máy khoan			5.000.000		5.000.000
II.12	Bể nước 13m ³	Cái	01	15.000.000	100	15.000.000
II.13	Tháo dỡ vận chuyển bồn chứa nước 20m ³			5.000.000	100	5.000.000
II.14	Tháo dỡ vận chuyển bồn chứa nước 7m ³			5.000.000	100	5.000.000
II.15	Tháo dỡ vận chuyển 2 bồn chứa nước 2m ³			6.000.000	100	6.000.000
Tổng						4.073.625.489

Tổng số tiền bồi thường tài sản trên đất là: 4.073.625.489đ (*Bốn tỷ không trăm bảy mươi ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng*).

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

STT	Khoản bồi thường hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (đ)	Tỉ lệ BT (%)	Thành tiền (đ)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống (30kg gạo x 15.200 đ/kg x 6 tháng = 2.736.000 đ/khẩu)	Nhân khẩu	15	2.736.000	100%	41.040.000
2	Hỗ trợ thuê nhà tạm cư (1.000.000 đồng/nhân khẩu thực tế ăn ở tại nơi thu hồi đất x 6 tháng, không quá 6 triệu đồng/ hộ gia đình/ tháng)	Khẩu	15	6.000.000	100%	90.000.000
3	Hỗ trợ di chuyển đến chỗ ở tạm	Chủ sử dụng	4	5.000.000	100%	20.000.000
4	Bồi thường chi phí di chuyển tài sản		4	5.000.000	100%	20.000.000
5	Thưởng tiến độ di chuyển, bàn giao mặt bằng	Chủ sử dụng	4	5.000.000	100%	20.000.000
Tổng						191.040.000

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ khác được nhận là 191.040.000đ (*Một trăm chín mươi mốt triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*)

Tổng số tiền gia đình ông được bồi thường hỗ trợ đúng quy định pháp luật là: 99.889.665.489đồng (*Chín mươi chín tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm tám chín đồng*).

3. Đất tái định cư: Trên thực tế diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi là 637,5m². Ông đề nghị Tòa án yêu cầu UBND huyện TT cấp đất tái định cư cho gia đình ông (gồm 4 hộ) với diện tích đất bằng diện tích đất bị thu hồi là 637,5m².

Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện TT trình bày: Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn VĐ - NH (km185-km189), huyện TT được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chỉ giới đường đỏ, tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 04/2005/QĐ-UB ngày 13/01/2005; Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 22/05/2009; Phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 19/07/2010 của UBND thành phố giao Sở Giao thông Vận tải Hà Nội làm Chủ đầu tư dự án.

Ngày 02/4/2010, UBND huyện TT ban hành Thông báo thu hồi đất số 65/TB-UBND về việc thu hồi đất tại các xã: TH, NH1, NH, LN để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn VĐ - NH (km185-km189), huyện TT.

Sau khi ban hành Thông báo thu hồi đất, UBND huyện đã triển khai công tác GPMB theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Diện tích đất phải thu hồi thực hiện dự án là 185.747m². Tổng hộ gia đình, cá nhân, tổ chức phải GPMB là 797 trường hợp.

Căn cứ đề UBND huyện TT ban hành Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A, đoạn VĐ - NH (km185-km189), huyện TT: Căn cứ Luật Đất đai 2013; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và các Quyết định của UBND thành phố Hà Nội có liên quan về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Căn cứ Thông báo số 8802/STC-BG ngày 30/12/2016 của Sở Tài chính Hà Nội về đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, sản lượng cá... phục vụ công tác GP mặt bằng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2017; Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 21/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh, giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ GPMB thực

hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A, đoạn VĐ - NH (km185-km189), huyện TT; Căn cứ Quyết định số 8380/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT về việc thu hồi 476,4m² đất do ông TVB đang quản lý và sử dụng tại xã NH thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp, Quốc lộ 1A, đoạn VĐ - NH (km185-km189), huyện TT, thành phố Hà Nội.

Về việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ:

1. Về giá đất: Bồi thường đất ở, vị trí 1 đường Quốc lộ 1A đoạn từ cầu NH đến hết địa phận huyện TT, phía đối diện của đường tàu của hộ gia đình với đơn giá là 14.762.000đồng/m² là đúng theo Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 21/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh, giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ GP mặt bằng thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A, đoạn VĐ - NH (km185-km189), huyện TT, thành phố Hà Nội.

2. Về tài sản gắn liền với đất: Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc của ông TVB và bà TTH đã được bồi thường theo đơn giá do UBND thành phố Hà Nội quy định tại Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội đúng quy định.

3. Các khoản hỗ trợ: Hộ gia đình ông TVB, bà TTH đã được phê duyệt các khoản hỗ trợ bao gồm: Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ thuê nhà địa điểm di chuyển tạm cư (cho 02 nhân khẩu); hỗ trợ di chuyển chỗ ở tạm, bồi thường chi phí di chuyển tài sản, thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng theo đúng quy định tại Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 và Quyết định của UBND thành phố Hà Nội có liên quan về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Như vậy, phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông TVB đã được phê duyệt theo đúng quy định. Nay, UBND huyện TT nhận thấy việc ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đất, hỗ trợ đối với gia đình ông TVB đảm bảo theo quy trình, trình tự thủ tục và các quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành. Việc ông TVB khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 là không có cơ sở.

Người bị kiện Chủ tịch thành phố Hà Nội trình bày: Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về giải quyết khiếu nại đối với ông TVB.

Quan điểm của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

UBND xã NH, huyện TT, thành phố Hà Nội trình bày:

Theo hồ sơ địa chính lập năm 1986 (bản đồ thổ canh) thể hiện, tại thửa đất số 66, tờ bản đồ 03, diện tích 4896m², sổ mục kê ghi loại đất: 1L, thuộc xứ Đồng G, chủ sử dụng đất là UBND xã NH.

Theo bản đồ đo năm 1994 gồm các thửa:

+ Thửa đất số 02, tờ bản đồ 27, diện tích 164m², nguồn gốc ông KVB được Hợp tác xã Nông nghiệp NH cho thuê đất có thu tiền thuê đất làm dịch vụ từ tháng 4/1993 (trừ lưu không mép đường 1A vào 20 m không được xây dựng nhà ở). Tháng 3 năm 1994, ông KVB chuyển nhượng cho ông TVB có diện tích 148m² (có giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền);

+ Thửa đất số 03, tờ bản đồ 27, diện tích 340m², nguồn gốc ông KVB1 và bà KTN được Hợp tác xã Nông nghiệp NH cho thuê đất có thu tiền thuê đất làm dịch vụ từ tháng 4/1993 (trừ lưu không mép đường 1A vào 20m không được xây dựng nhà ở). Tháng 3 năm 1994, ông KVB1 chuyển nhượng cho ông TVB có diện tích 150m² (có giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền); Bà KTN chuyển nhượng cho ông TVB diện tích 150m² (có giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền);

+ Thửa đất số 04, tờ bản đồ 27, diện tích 124m², nguồn gốc bà KTT được Hợp tác xã Nông nghiệp NH cho thuê đất có thu tiền thuê đất làm dịch vụ từ tháng 4/1993 (trừ lưu không mép đường 1A vào 20m không được xây dựng nhà ở). Tháng 5 năm 1994, bà KTT đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông TVB có diện tích 111m² (có giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Thực hiện Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ về việc đảm bảo đường thông hệ thoát, năm 2003 UBND huyện TT đã chỉ đạo UBND xã NH thực hiện giải tỏa các công trình, vật kiến trúc xây dựng lấn chiếm lòng, lề đường dọc đường Quốc lộ 1A đoạn qua xã NH. Hội đồng nhân dân xã đã họp và ra Nghị quyết về việc thực hiện Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ. UBND xã đã ban hành Thông báo số 13/TB-UB ngày 7/3/2003; Thông báo số 14/TB-UB ngày 11/3/2003 và Thông báo số 15/TB-UB ngày 18/3/2003 về việc thực hiện giải tỏa hành lang bảo vệ an toàn giao thông theo Nghị định số 36/CP và Nghị định số 39/CP của Chính phủ, tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, xây dựng đối với các hộ vi phạm. Gia đình ông TVB đã bị giải tỏa công trình xây dựng theo Biên bản vi phạm ngày 11/3/2013.

Năm 2005, ông TVB, bà TTH có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với:

+ Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 27, diện tích 89m² (đã trừ diện tích đất lưu không đường 1A đã giải tỏa năm 2003) được Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã xét duyệt đủ điều kiện, trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 2007.

+ Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 183m² (đã trừ diện tích đất lưu không đường 1A đã giải tỏa năm 2003) được Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã xét duyệt đủ điều kiện, trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 2007.

+ Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 27, diện tích 70m² (đã trừ diện tích đất lưu không đường 1A đã giải tỏa năm 2003) được Hội đồng xét cấp GCNQSDĐ xã xét duyệt đủ điều kiện, trình UBND huyện cấp GCNQSDĐ năm 2007.

Thực hiện công tác GPMB Quốc lộ 1A theo Thông báo số 65/TB-UBND ngày 02/4/2010 của UBND huyện TT về việc thu hồi đất tại các xã: TH, NH1, NH, LN để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn VĐ - NH (km185 - km189), huyện TT, tổng diện tích đang sử dụng theo hiện trạng 476,4m²; diện tích đất bị thu hồi 476,4m²; diện tích đất còn lại 0m².

Diện tích đất thu hồi 476,4m² tại các thửa đất 02, 03 và 04 tờ bản đồ số 27 (hệ bản đồ đo đạc năm 1994). Hiện trạng thuộc các thửa đất số 27, 34 và 37 tờ bản đồ GPMB số 06, trong đó:

+ 342m² là đất tại các thửa đất số 02, 03 và 04 tờ bản đồ số 27 đã được UBND huyện TT cấp các GCNQSDĐ ngày 16/11/2007 cho ông TVB và bà TTH, số vào sổ 2468/2007/QĐ-UBND/00537; số vào sổ 2468/2007/QĐ-UBND/00605; số vào sổ 2468/2007/QDD-UBND/00538.

+ 134,4m² thuộc một phần thửa đất số 14, tờ bản đồ số 27 là đất nông nghiệp do UBND xã NH quản lý. Năm 1995, ông TVB và bà TTH lấn đất và xây dựng công trình trên toàn bộ diện tích. Thời điểm sử dụng đất là xây dựng công trình trên đất không có biên bản xử lý vi phạm của cấp có thẩm quyền về đất đai và xây dựng.

Trong khi thực hiện công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm tài sản gắn liền với đất, ông TVB cung cấp cho Tổ công tác GPMB một số giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất của gia đình gồm:

+ Bản sao GCNQSDĐ tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 27, diện tích 89m² được UBND huyện TT cấp cho ông TVB và bà TTH ngày 16/11/2007. Ông TVB và bà TTH đã lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất nêu trên cho ông TNA, được Văn phòng Công chứng CM - địa chỉ tại 1232 GP, quận HM, Hà Nội xác nhận ngày 13/4/2011.

+ Bản sao GCNQSDĐ tại thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 183m² được UBND huyện TT cấp cho ông TVB và bà TTH ngày 16/11/2007. Ông TVB và bà TTH đã lập Hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất nêu trên cho bà TTL, được Văn phòng Công chứng CM - địa chỉ tại 1232 GP, quận HM, Hà Nội xác nhận ngày 13/4/2011.

+ Bản sao GCNQSDĐ tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 27, diện tích 70m² được UBND huyện TT cấp cho ông TVB và bà TTH ngày 16/11/2007. Ông TVB và bà TTH đã lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất nêu trên cho bà TTB, được Văn phòng Công chứng CM - địa chỉ tại 1232 GP, quận HM, Hà Nội xác nhận ngày 13/4/2011.

Cả 03 hợp đồng tặng cho trên đều chưa thực hiện việc biến động quyền sử dụng đất vào sổ cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Quan điểm của UBND xã NH: Căn cứ vào nguồn gốc đất theo hồ sơ địa chính lưu giữ tại xã, GCNQSDĐ đã được UBND huyện TT cấp mang tên ông TVB và bà TTH, việc ông TVB yêu cầu hủy Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT là không có cơ sở.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà TTH, chị TTL, anh TNA, chị CNB, anh ĐVĐ, cháu ĐBM, cháu TNL cùng ủy quyền cho ông TVB, ông TVB trình bày như sau:

Ông TVB đại diện và nhận ủy quyền của các thành viên trong gia đình cùng đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định hành chính số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT và “phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư” ban hành theo Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017. Đề nghị Tòa án yêu cầu UBND huyện TT ban hành quyết định khác phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư liên quan đến gia đình ông. Phần bồi thường tài sản trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác, tổng số tiền gia đình ông được bồi thường hỗ trợ là: 99.889.665.489 đồng (*Chín mươi chín tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn, bốn trăm tám chín đồng*) và cấp đất tái định cư cho gia đình ông (gồm 4 hộ) với diện tích đất bằng diện tích đất bị thu hồi là 637,5m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị TTB trình bày: Chị đã nhận được các thông báo của Tòa án, chị xác định chị không liên quan nên từ chối tham gia tố tụng, chị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án và đề nghị Tòa án căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, các Điều 194, 204, 206 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông TVB đề nghị hủy các Quyết định sau:

- Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT, thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/8/2022, người khởi kiện ông TVB có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện ông TVB giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, tuyên sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông TVB:

Tuyên hủy Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT, thành phố Hà Nội;

Tuyên hủy Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Tuyên hủy Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Yêu cầu UBND huyện TT ban hành “Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư” khác bồi thường hỗ trợ tái định cư đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể là:

Bồi thường về đất bị thu hồi là $637,5m^2 \times 14.762.000đ/m^2$; cấp tái định cư bằng diện tích đất thu hồi là $637,5m^2$; bồi thường đầy đủ tài sản trên đất của gia đình ông TVB; các khoản bồi thường khác theo đúng quy định tại Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Người khởi kiện ông TVB nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của ông TVB; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 19/8/2022, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Đơn kháng cáo của người khởi kiện gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Xét thấy, những người đại diện hợp pháp của người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã NH và chi TTB vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản, ý kiến đề

ngợi Tòa án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ, con, cháu ông TVB đã ủy quyền cho ông TVB tham gia tố tụng nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện:

Ngày 21/12/2018, ông TVB khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; ngày 30/9/2020, ông TVB có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định 967/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định 4236/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai nên còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 và khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông TVB, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

[2.1]. Đối với Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện TT về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

[2.1.1]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 129/2006/QĐ-UBND ngày 04/8/2006, phê duyệt quy hoạch chi tiết hai bên trục Quốc lộ 1A. Ngày 25/5/2009, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định 2419/QĐ-UBND phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A. Ngày 02/4/2010, UBND huyện TT ban hành thông báo số 65/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 1A đoạn VĐ - NH huyện TT.

Căn cứ các Quyết định trên, UBND huyện TT, thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 8380/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc thu hồi đất và Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 66 và điểm a khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai.

[2.1.2]. Về nội dung quyết định:

Xét nguồn gốc đất, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Theo hồ sơ địa chính lập năm 1986 thể hiện tại thửa số 66, tờ bản đồ số 03, diện tích 4.896m², sổ mục kê ghi loại đất: 1L, thuộc xứ đồng G, đất nông nghiệp do UBND xã quản lý;

Căn cứ vào Nghị quyết ngày 25/01/1991 của Hội đồng nhân dân xã NH khóa 5 thống nhất giao UBND xã cho thuê đất làm dịch vụ, nhằm tận dụng các thung đào, ven đường để lấy tiền chi tiêu cho xây dựng hạ tầng tại địa phương. UBND xã NH đã cho ông KVB, bà KTT, ông KVB1, bà KTN thuê đất. Theo Hợp đồng cho thuê đất dịch vụ, diện tích mỗi thửa có chiều dài từ 37m đến 38m, chiều rộng từ 3m đến 4m và đều có trừ đất lưu không mép đường 1A vào 20m không được xây dựng nhà ở. Tổng diện tích 04 thửa đất của 04 hộ thuê đất là

559m². Sau khi thuê đất, 04 hộ nêu trên đã chuyển nhượng lại cho ông TVB vào năm 1994, việc chuyển nhượng giữa các hộ cho ông TVB chỉ có giấy viết tay, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể là tại Bản đồ đo vẽ năm 1994 gồm các thửa:

Thửa số 02, tờ bản đồ số 27, diện tích 164m² nguồn gốc ông KVB được HTX NN NH cho thuê đất có thu tiền thuê đất làm dịch vụ từ tháng 4/1993 có trừ đất lưu không từ mép đường 1A vào 20m không được xây dựng nhà ở. Tháng 3/1994, ông KVB chuyển nhượng cho ông TVB diện tích 148m².

Thửa số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 340m² nguồn gốc ông KVB1 và bà KTN được HTX NN NH cho thuê đất có thu tiền thuê đất làm dịch vụ từ tháng 4/1993 có trừ đất lưu không từ mép đường 1A vào 20m không được xây dựng nhà ở. Tháng 3/1994, ông KVB1 chuyển nhượng cho ông TVB diện tích 150m². Bà KTN chuyển nhượng cho ông TVB diện tích 155m².

Thửa số 04, tờ bản đồ số 27, diện tích 124m² nguồn gốc bà KTT được HTX NN NH cho thuê đất có thu tiền thuê đất làm dịch vụ từ tháng 4/1993 có trừ đất lưu không từ mép đường 1A vào 20m không được xây dựng nhà ở. Tháng 5/1994, bà KTT chuyển nhượng cho ông TVB diện tích 111m².

Ngày 05/4/1997, Đoàn Thanh tra huyện TT có Kết luận thanh tra số 28/KL-TT tại xã NH về việc quản lý thu chi ngân sách và quản lý sử dụng đất đai, trong đó có nêu “*Việc HĐND có Nghị Quyết và UBND xã tiến hành cho thuê đất làm dịch vụ vào năm 1991, 1992 diện tích 2264m² và cho phép Hợp tác xã nông nghiệp cho thuê 2799m² đất làm dịch vụ lâu dài là không đúng thẩm quyền, vi phạm vào Điều 13 Luật Đất đai năm 1988 và Điều 6 Luật Đất đai năm 1993*”; kiến nghị “*Đề nghị UBND xã và HTX NN hủy bỏ hợp đồng cho thuê đất, thu hồi lại đất và đưa vào quỹ đất công do UBND xã quản lý*”. Tuy nhiên, sau kết luận thanh tra, UBND xã và HTX NN không hủy bỏ hợp đồng cho các hộ thuê đất làm dịch vụ và không thu hồi đất với lý do các hộ đã sử dụng đất và xây dựng nhà ở sử dụng ổn định và đã nộp tiền cho UBND xã để được sử dụng đất.

Đến ngày 09/9/2002, Đoàn Thanh tra huyện TT có Kết luận số 16/KL -ĐTT kết luận thanh tra việc quản lý, sử dụng đất đai tại xã NH. Nội dung kết luận: “*Đề nghị UBND xã hủy bỏ hợp đồng cho thuê đất làm dịch vụ năm 1991 đối với 27 hộ, diện tích 5063m² tại trục đường Quốc lộ 1A phía Đông xã theo kết luận số 28/KL-TT ngày 05/4/1997. Lập hồ sơ báo cáo UBND huyện theo quy định của pháp luật*”. Nhưng sau thời điểm đó, UBND xã không thực hiện việc hủy bỏ hợp đồng cho thuê với lý do các hộ gia đình đã sử dụng đất ổn định và đã đóng tiền để được sử dụng đất cho UBND xã.

Năm 2003, thực hiện Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, UBND huyện TT thực hiện giải tỏa các công trình xây dựng trên đất hành lang lưu không đường Quốc lộ 1A, theo đó những công trình của gia đình ông TVB nằm trên đất hành lang cũng bị xử lý dỡ bỏ. Năm 2003, ông TVB đã bị xử phạt hành chính về hành vi cải tạo xây dựng nhà không phép.

Năm 2005, gia đình ông TVB có đơn xin cấp GCNQSDĐ đối với 03 thửa đất nêu trên với diện tích đề nghị được cấp 342m². Năm 2007, ông TVB được UBND huyện TT cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 342m² nằm ngoài hành lang Quốc lộ 1A.

Đến ngày 16/11/2007, gia đình ông TVB được UBND huyện TT cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 342m² nằm ngoài hành lang Quốc lộ 1 tại các thửa đất gồm: Thửa số 02, tờ bản đồ số 27, diện tích 89m²; Thửa số 03, tờ bản đồ số 27, diện tích 183m² và Thửa số 04, tờ bản đồ số 27, diện tích 70m² (cả 03 thửa đã trừ đất lưu không giải tỏa năm 2003).

Năm 2011, vợ chồng ông TVB đã lập Hợp đồng tặng cho các con là anh TNA diện tích 89m², diện tích thực tế đang sử dụng 99m²; chị TTB diện tích 70m², diện tích thực tế đang sử dụng 98,1m²; chị TTL diện tích 183m², diện tích thực tế đang sử dụng 279,3m². Tổng diện tích thực tế ông TVB và các con ông TVB sử dụng là 476,4m²

Như vậy, căn cứ vào Quyết định số 133/2001/QĐ-UB ngày 28/12/2001 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết huyện TT, thành phố Hà Nội tỷ lệ 1/5.000 (Phần quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông), trong đó có phần diện tích đất thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A. Năm 2009, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Năm 2010, UBND huyện TT có Thông báo số 65/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A. Đến năm 2011, ông TVB mới thực hiện việc tặng cho nhà đất cho 03 người con; thời điểm ông TVB tặng cho nhà đất cho các con được thực hiện sau khi có thông báo thu hồi đất của UBND huyện TT là không đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003 và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Mặt khác, năm 2017, tổ công tác GPMB xã NH kê khai kiểm đếm nhà đất phục vụ GPMB ghi nhận: Ông TVB và các con sử dụng 476,4m², diện tích trong chỉ giới GPMB là 476,4m²; hiện trạng ông TVB và các con sử dụng chung trong một khuôn viên đất 476,4m², không tách thành các thửa đất riêng biệt. Ông TVB và 03 người con đã ký biên bản kiểm đếm, UBND xã NH xác nhận hộ ông TVB có 476,4m² đất bị GPMB, không có nhà ở nào khác trên địa bàn xã NH, phải di chuyển chỗ ở. Do đó, UBND huyện TT phê duyệt phương án giao 180m² đất ở tái định cư cho gia đình ông TVB là đúng quy định tại Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Việc ông TVB đề nghị được bố trí tái định cư 03 suất cho các con ông TVB là không có căn cứ giải quyết.

Ngày 03/7/2018, Thanh tra thành phố Hà Nội cùng UBND huyện TT, UBND xã NH tổ chức đối thoại với ông TVB. Sau khi đối thoại, ông TVB không nhất trí nội dung dự thảo báo cáo xác minh của Thanh tra thành phố Hà Nội. Như vậy, nhà đất của ông TVB sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của 04 hộ dân được HTX NN NH ký hợp đồng cho thuê đất dịch vụ năm 1993

với tổng diện tích 559m², đều có trừ đất lưu không mép đường 1A vào 20m không được xây dựng nhà ở. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông TVB chuyển đổi mục đích, xây dựng nhà ở và nhà xưởng trên đất.

Theo bản đồ đo vẽ năm 1994, diện tích 04 thửa đất ông TVB nhận chuyển nhượng là 628m² (đã bao gồm phần lưu không đường 20m) chứ không phải 637,5m² như ông TVB trình bày. Năm 2003, UBND huyện TT thực hiện giải tỏa hành lang đường Quốc lộ 1A đã giải tỏa phần công trình xây dựng trên đất hành lang đường. Sở Giao thông Vận tải Hà Nội đã san gạt, đầm lèn và cắm mốc bàn giao cho UBND xã NH quản lý phần lưu không đường.

Vì vậy, năm 2007, ông TVB nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ đã kê khai đề nghị cấp diện tích 342m² đất ngoài lưu không đường, được UBND huyện TT cấp GCNQSDĐ diện tích là 342m² đất ở. Đến năm 2017, diện tích đất gia đình ông TVB sử dụng là 476,4m², tăng 134,4m². Diện tích tăng là phần đất trước đây nằm trong diện tích thuê thầu, ông TVB nhận chuyển nhượng từ năm 1994, đến năm 2003 sau khi bị UBND huyện TT giải tỏa, còn lại thuộc lưu không đường.

Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Diện tích 342m², ông TVB được cấp GCNQSDĐ. UBND huyện TT có Quyết định số 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường diện tích 342m² bằng 100% đơn giá đất ở 14.762.000đ/m² là đúng quy định tại Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 21/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt hệ số điều chỉnh, giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án. Việc ông TVB đề nghị được bồi thường theo giá thị trường là không có cơ sở giải quyết.

Đối với diện tích 134,4m²: Đây là phần đất nằm trong diện tích thuê thầu, ông TVB nhận chuyển nhượng từ năm 1994, đến năm 2003 sau khi bị UBND huyện TT giải tỏa còn lại thuộc lưu không đường. UBND xã NH cung cấp bản đồ chồng khớp bản đồ đo vẽ 1994 lên hiện trạng GPMB, áp chỉ giới GPMB do Chủ đầu tư dự án thực hiện, xác định diện tích 134,4m² thuộc thửa 14, tờ bản đồ 27 là đất do UBND xã NH quản lý. Do đó, UBND huyện TT phê duyệt phương án không bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích 134,4m² là đúng quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Ông TVB yêu cầu được bồi thường 134,4m² đất là không có căn cứ.

Về bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: Theo biên bản điều tra hiện trạng của tổ công tác GPMB xã NH và xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã NH: Trên phần diện tích 342m² đã được cấp GCNQSDĐ, ông TVB xây dựng nhà xưởng khung sắt Zamin với diện tích 240,4m². Còn trên phần diện tích 134,4m² không được cấp GCNQSDĐ, ông TVB xây dựng nhà xưởng khung sắt Zamin diện tích 132m², UBND xã NH xác định thời điểm ông TVB xây dựng là sau ngày 15/10/1993. UBND huyện TT phê duyệt bồi thường phần nhà xưởng trên diện tích 342m² đã được cấp GCNQSDĐ với mức bồi thường 100% đơn giá xây dựng. Còn phần nhà xưởng trên diện tích 134,4m² được hỗ trợ 50% mức bồi

thường theo đơn giá xây dựng là đúng quy định tại Điều 12 và khoản 2 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về tái định cư: Năm 2011, ông TVB thực hiện tặng cho nhà đất cho 03 người con. Thời điểm tặng cho nhà đất sau khi có thông báo thu hồi đất năm 2010 của UBND huyện TT, là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 4 và khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 và Chỉ thị số 03/CT-BTNMT ngày 01/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mặt khác, năm 2017, tổ công tác GPMB xã NH kê khai kiểm đếm nhà đất phục vụ công tác GPMB ghi nhận: Ông TVB và các con sử dụng 476,4m² trong một khuôn viên đất 476,4m² không tách thành các thửa đất riêng biệt. UBND huyện TT có quyết định giao diện tích 180m² đất tái định cư cho ông TVB là đúng quy định tại Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 2 Điều 26 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Việc ông TVB yêu cầu được giao 03 suất tái định cư cho ba người con là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông TVB là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Quyết định 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

[2.2.1]. Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu: Sau khi nhận đơn khiếu nại, người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và giao cho Thanh tra huyện tổ chức xác minh. Trên cơ sở kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Thanh tra huyện, Chủ tịch UBND huyện TT đã ban hành Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 đối với ông TVB là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, 31 Luật Khiếu nại.

[2.2.2]. Về nội dung Quyết định 967/QĐ-UBND: Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu về việc Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với gia đình ông TVB đã phản ánh đúng nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, diện tích nằm trong chỉ giới GPMB, đơn giá bồi thường hỗ trợ, đúng quy định của pháp luật. Khiếu nại của ông TVB là không có căn cứ, vì vậy Chủ tịch UBND huyện TT đã không chấp nhận khiếu nại của ông TVB là đúng pháp luật.

[2.3]. Xét Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về giải quyết khiếu nại lần hai với Quyết định 8427/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai là đúng trình tự, thủ tục, theo quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại.

[2.3.1]. Xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định giải quyết

kiếu nại lần 2: Sau khi nhận đơn khiếu nại, người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại và giao cho Thanh tra thành phố tổ chức xác minh. Trên cơ sở kết quả xác minh nội dung khiếu nại của Thanh tra thành phố, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4236/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông TVB là đúng theo quy định của pháp luật và đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Khiếu nại.

[2.3.2]. Về nội dung quyết định 4236/QĐ-UBND: Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đã phản ánh đúng nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, diện tích nằm trong chỉ giới GPMB, đơn giá bồi thường hỗ trợ, đúng quy định của pháp luật. Khiếu nại của ông TVB là không có căn cứ nên Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã giữ nguyên Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện TT về việc giải quyết khiếu nại của ông TVB liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn VĐ - NH (km185-189) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông TVB yêu cầu hủy các quyết định nêu trên và đề nghị UBND huyện TT ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khác bồi thường hỗ trợ tái định cư gồm các khoản: Bồi thường về đất bị thu hồi là $637,5\text{m}^2 \times 14.762.000\text{đ}/\text{m}^2$; cấp tái định cư bằng diện tích đất thu hồi là $637,5\text{m}^2$; bồi thường đầy đủ tài sản trên đất của gia đình ông và các khoản bồi thường khác theo đúng quy định tại Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông TVB. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông TVB là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy cần giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông TVB phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông TVB là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, vì vậy cần miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông TVB theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Bác kháng cáo của ông TVB. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 124/2022/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2]. Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông TVB.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người BVQLHP của đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam

Nguyễn Mạnh Tiến

Trần Quang Minh